

XÁC ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRONG KIỂM TOÁN CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH VI

ThS. GIANG ĐỨC THIÊN*
ThS. BÙI QUANG HUY*

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước, minh bạch trong báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong hoạt động đầu tư xây dựng là mục tiêu và nhiệm vụ của các cơ quan quản lý doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Để giúp cho các cơ quan chức năng trong việc quản lý nhà nước về doanh nghiệp và phần vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần (CTCP) một cách hiệu quả, hoạt động kiểm toán đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng tại các DN có vốn nhà nước là việc làm hết sức quan trọng và cần thiết hiện nay của Kiểm toán nhà nước (KTNN). Bài viết sẽ góp phần làm rõ việc xác định các tiêu chí cũng như nội dung đánh giá trong một cuộc kiểm toán hoạt động đầu tư xây dựng tại các DN có vốn nhà nước cả dưới góc độ lý luận và thực tiễn hiện nay.

Từ khóa: Kiểm toán hiệu quả dự án đầu tư dự án

Determining the criteria for evaluation of investment efficiency in the audit of state capital-assisted enterprises by specialized audit department No.VI

Effective management and use of state capital, transparency in financial statements and results of business operations, especially in construction investment are the objectives and tasks of the joint management agencies. State-owned enterprises (SOEs). In order to help the functional agencies in the state management of enterprises and state capital in joint-stock companies (JCs) effectively, auditing activities to evaluate the effectiveness of construction investment in the enterprises with state capital are the most important and necessary tasks of SAV. The article contributes to the clarification of criteria as well as evaluation content in an audit of construction investment activities in state-owned enterprises both in terms of theory and current practice.

Key words: Audit of effectiveness of project investment projects

1. Tổng quan về kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng

Khái niệm về hiệu quả và tính hiệu quả trong kiểm toán hoạt động

Hiểu theo nghĩa rộng, hiệu quả thể hiện mối tương quan giữa các biến số đầu ra thu được

(outputs) so với các biến số đầu vào (inputs) đã được sử dụng để tạo ra những kết quả đầu ra đó. Như vậy, tính hiệu quả liên quan mật thiết giữa “yếu tố đầu vào” và “kết quả đầu ra” và nó được thể hiện qua chỉ tiêu năng suất đạt được. Năng suất là tỷ số giữa số lượng kết quả tạo ra (sản phẩm hoặc dịch vụ) được chấp nhận với lượng yếu tố đầu vào

*KTNN Chuyên ngành VI



(các nguồn lực) được sử dụng để tạo ra chúng. Một vài ví dụ về quan hệ của tính hiệu quả được thể hiện như: Tỷ lệ giữa số giường bệnh và số bệnh nhân trong một bệnh viện; tỷ lệ giữa số giáo viên và học sinh trong một trường học; tỷ lệ giữa thời gian vận hành máy móc thiết bị và sản lượng sản phẩm trong một nhà máy...

Rõ ràng, tính hiệu quả là một khái niệm tương đối vì nó được đo lường bằng cách so sánh giữa năng suất với các chỉ tiêu, mục đích hoặc tiêu chuẩn được mong đợi.

Nội dung đánh giá tính hiệu quả của Dự án đầu tư xây dựng

Về cơ bản, việc đánh giá tính hiệu quả của hoạt động đã có tiêu chuẩn chung được chấp nhận. Vấn đề đặt ra là Kiểm toán viên cần phải triển khai thành các tiêu chuẩn cụ thể. Kiểm toán viên thường phối hợp với lãnh đạo của đơn vị được kiểm toán và các chuyên gia để xác định hoặc xây dựng chúng. Ngay cả khi đã có sẵn những tiêu chuẩn, kiểm toán viên cũng cần xem xét những tiêu chuẩn đó có còn phù hợp không? Bởi lẽ, có thể những tiêu chuẩn đó đã lỗi thời vì tình hình thực tiễn đã có sự thay đổi. Ví

dụ, tiêu chuẩn để đánh giá tính hiệu quả đối với quá trình xử lý nghiệp vụ thanh toán khi chưa sử dụng máy vi tính phải được xem xét lại nếu đơn vị chuyển sang xử lý bằng công nghệ thông tin (CNTT). Lúc này, tuy thời gian cần thiết để xử lý một nghiệp vụ có thể được rút ngắn nhưng chi phí có thể lại tăng lên. Vì vậy, Kiểm toán viên cần phải thận trọng với những sự thay đổi trước khi chấp nhận một tiêu chuẩn nào đó.

Một vấn đề khác cũng cần phải được xem xét là việc đánh giá tính hiệu quả trong trường hợp hoạt động được kiểm toán mang tính chất chu kỳ hoặc tính chất cơ học và kết quả tạo ra là đồng nhất sẽ tương đối dễ dàng xác định hơn là hoạt động được kiểm toán không có những đặc tính trên. Ví dụ, đánh giá tính hiệu quả của một nhà máy phát điện dễ dàng hơn đánh giá tính hiệu quả của một bác sĩ, vì mỗi bệnh nhân có thể mắc một loại bệnh và mức độ phức tạp của mỗi bệnh tật cũng khác nhau.

Thông thường tính hiệu quả được hiểu là vấn đề nội bộ của một đơn vị. Tính hiệu quả không ảnh hưởng hay tác động trực tiếp đến các hoạt động của đơn vị đối với môi trường bên ngoài mà nó

đang hoạt động. Ví dụ, trong một bệnh viện, đánh giá tính hiệu quả có thể đánh giá qua việc sử dụng số giường bệnh, số ca phẫu thuật, hoặc việc sử dụng thuốc men... Tuy nhiên, việc đánh giá như thế không cho thấy ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chăm sóc hay tình trạng bệnh tật hoặc sức khoẻ trong cộng đồng mà bệnh viện đó phục vụ.

Tính hiệu quả và tính kinh tế còn có ý nghĩa gần giống nhau nên đôi khi khó tách biệt được một cách rõ ràng. Nếu xét việc có được các nguồn lực như là các hoạt động của đơn vị thì việc tối thiểu hoá chi phí để có được nguồn lực đúng số lượng, đúng địa điểm, đúng thời gian, đúng chủng loại và đúng giá cả sẽ là “tính hiệu quả” của hoạt động tạo ra các nguồn lực đó. Còn nếu xét hoạt động ở phạm vi rộng hơn, tính kinh tế chỉ là một bộ phận của tính hiệu quả, vì tiết kiệm được chi phí cho nguồn lực cuối cùng cũng nhằm để giảm giá thành hoặc nguồn lực trên một đơn vị kết quả tạo ra đã định. Nói cách khác, việc có được các nguồn lực có tính kinh tế góp phần tạo nên tính hiệu quả bằng cách tối thiểu hoá chi phí cho đầu vào được sử dụng.

Còn đối với việc đánh giá hiệu quả của một dự án là đánh giá kết quả đầu ra so với chi phí đã đầu tư hoặc mức độ sử dụng kinh phí đầu tư so với kết quả đầu ra cho trước; đánh giá hiệu quả xã hội của dự án. Thông qua số liệu thống kê về mức độ tăng trưởng về kinh tế, xã hội đạt được sau khi đầu tư dự án để đánh giá về mức độ ảnh hưởng của dự án mang lại cho vùng dự án đến xóa đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, cải thiện môi trường, tăng khả năng tiếp cận của người dân đến các dịch vụ y tế, trường học, dịch vụ tín dụng và khả năng tiếp cận các trung tâm chính trị, kinh tế, chuyển dịch kinh tế, cơ cấu ngành nghề sau khi có dự án...

2. Xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả khi kiểm toán dự án đầu tư xây dựng

Đánh giá tính hiệu quả của dự án đầu tư cần được tiến hành qua các giai đoạn thực hiện dự án được thể hiện như sau:

a) Đánh giá trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư

- Các thông tin, thông số làm căn cứ lập dự án đầu tư có hợp lý không: Các chỉ số về kinh tế, thị trường; các thông số về môi trường (nước thải, tiếng ồn, ô nhiễm...); các chỉ số kỹ thuật (mức độ chịu bão, gió, mưa, động đất...); các tiêu chuẩn kỹ thuật không phù hợp (độ bền, tuổi thọ, chất lượng vật liệu...).

- Xem xét tất cả các phương án đầu tư có thể có để có sự lựa chọn tối ưu.

- Lựa chọn địa điểm đầu tư có hợp lý không hay theo ý chí chủ quan mà chưa tính đến các yếu tố liên quan (địa chất, giao thông, nguồn nguyên liệu, thị trường, nguồn nhân lực...).

- Lựa chọn công nghệ có theo tiêu chí so sánh chi phí - hiệu quả không: Đảm bảo tính đồng bộ, nêu rõ các tiêu chuẩn, đặc tính và thông số kinh tế kỹ thuật của thiết bị.

- Tính toán xem xét đến điều kiện thực tế về hạ tầng hiện có như điện, nước, thoát nước...

- Lựa chọn giải pháp xây dựng có lưu ý đến sự lạc hậu về công nghệ và tiến bộ của khoa học kỹ thuật hay không?

b) Đánh giá trong giai đoạn thực hiện thiết kế, dự toán

- Thiết kế sau khi đã nghiên cứu về nhu cầu đầu tư và thiết kế có căn cứ trên nhu cầu hay không?

- Khảo sát thiếu chính xác? dẫn tới phương án thiết kế không phù hợp?

- Thiết kế, bố trí dây chuyền công nghệ có đảm bảo tính hợp lý hay không?

- Thiết kế không đầy đủ, chưa lường hết được các phạm vi khối lượng công việc cần thiết dẫn tới phát sinh khối lượng lớn phải giao thầu bổ sung làm chậm tiến độ và vượt dự toán chi phí hay không?

- Thiết kế trang thiết bị kỹ thuật và thiết kế xây dựng có sự phối hợp đồng bộ hay không?



- Có thiết kế quá nhu cầu của bên sử dụng, giải pháp quá tốn kém hay không?; hành lang và lối thông nhau quá rộng một cách không cần thiết; trang bị nội thất quá xa xỉ; thiết bị vận hành kỹ thuật quá tốn kém về các chi phí không chỉ ban đầu mà cả chi phí thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng nảy sinh trong quá trình vận hành về sau?...

- Thời hạn thiết kế có phù hợp không? Nếu thời hạn quá ngắn, đến khi thi công việc thiết kế mới được hoàn thành đầy đủ dẫn tới tiến độ thi công bị ảnh hưởng và không thể kiểm soát được chi phí?

- Dự toán chi phí có chính xác hay không? Hay do thông tin chưa đầy đủ, thiếu cẩn thận trong tính toán hoặc chủ ý lập dự toán thấp để dự án dễ được phê duyệt và khi đã thi công sẽ đề nghị duyệt kinh phí bổ sung để hoàn thành; ngược lại, lập dự toán cao để có nguồn kinh phí mua sắm những trang thiết bị đắt tiền?

- Dự toán có bị cắt giảm một cách vô cơ trong quá trình thẩm định và phê duyệt, sau này lại phải duyệt bổ sung hay không?

- Dự toán chi phí khối lượng phát sinh có kịp thời? hay được lập muộn, thậm chí khi đã thi công xong hạng mục, vì vậy không có tác dụng đối với việc quản lý chi phí?

c) Đánh giá trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu

- Có tổ chức đấu thầu rộng rãi hay không? Hay chỉ đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu?

- Hồ sơ mời thầu lập có chuẩn xác hay không? Hay có sai sót dẫn tới việc lựa chọn nhà thầu không đảm bảo yêu cầu dự án làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình?

- Mô tả gói thầu có đầy đủ, rõ ràng hay không? Hay thiếu chính xác dẫn đến cách hiểu khác nhau dễ dẫn đến xảy ra tranh chấp khi thực hiện hợp đồng?

- Chủ đầu tư và nhà thầu có thông đồng với nhau hay không? Dẫn đến việc đã thông tin cho nhà thầu về một phần khối lượng công việc nào đó trong gói thầu sẽ được giao bổ sung. Nhà thầu biết thông tin sẽ bỏ với đơn giá cao đột biến cho những công việc đó, giảm đơn giá các công việc còn lại để

thắng thầu, khi được thanh toán sẽ được hưởng lợi rất lớn ở phần giao bổ sung, dẫn tới chi phí công trình tăng?

- Có thông thầu hay không? Một nhà thầu mua tất cả hồ sơ mời thầu; các nhà thầu thoả hiệp với nhau để một nhà thầu nào đó thắng thầu rồi phân chia lợi ích giữa các nhà thầu với nhau (thường là trong đấu thầu hạn chế)...

- Có việc thẩm định thiếu chính xác, phê duyệt giá gói thầu quá cao hay không?

- Có việc xét thầu thiếu công bằng, không theo những tiêu thức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt?

- Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu có hợp lý hay không? Hay đã tạo điều kiện cho các nhà thầu có ít năng lực, kinh nghiệm vẫn có thể tham gia đấu thầu và trúng thầu hoặc có thể đưa ra những tiêu chí đánh giá bất lợi cho các nhà thầu có năng lực?

d) Trong giai đoạn hợp đồng và thực hiện hợp đồng

- Các điều khoản hợp đồng có cụ thể và chặt chẽ hay không?

- Giá trên hợp đồng có căn cứ vào giá trúng thầu hay không?

- Hợp đồng có được điều chỉnh kịp thời khi thay đổi thiết kế hay không? Hay không có được cái nhìn tổng quát về diễn biến chi phí, chi phí vượt trội không được phát hiện kịp thời. Trong những trường hợp đó, thường giá cả của chi phí phát sinh, bổ sung thường cao hơn giá hợp đồng gốc (các ban quản lý xây dựng thường lấy lý do là thi công không cùng thời điểm).

- Không thực hiện việc phạt nhà thầu khi nhà thầu vi phạm các điều khoản hợp đồng.

e) Trong giai đoạn quản lý thi công xây dựng

- Tiến độ bị kéo dài do nguyên nhân chủ quan hay khách quan?

- Do giám sát không tốt nên không phát

hiện kịp thời các hạng mục có khiếm khuyết kỹ thuật, sử dụng nguyên vật liệu kém chất lượng; các trang thiết bị kỹ thuật không đúng thông số đã ký kết trong hợp đồng... dẫn đến hư hại công trình xây dựng.

- Khi nghiệm thu các hạng mục phát hiện ra khiếm khuyết nhưng không kiên quyết yêu cầu đơn vị thi công khắc phục ngay.

- Việc quá chậm trễ đưa ra yêu cầu sửa chữa các khiếm khuyết có thể do đơn vị sử dụng sau khi nhận bàn giao công trình đã không thông báo kịp thời và đầy đủ cho ban Quản lý xây dựng (QLXD) về những khiếm khuyết đó, dẫn đến bên nhận thầu có thể viện lý do hết hiệu lực thời hạn bảo hành, sẽ tổn kém chi phí cho việc khắc phục.

f) Đánh giá về điều kiện, năng lực của tổ chức cá nhân trong hoạt động xây dựng

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng không có đủ năng lực về tài chính, kỹ thuật, chuyên môn.

- Các tổ chức cá nhân không đúng chức năng, ngành nghề, không có đủ độ tin cậy và kinh nghiệm...

3. Thực trạng đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng tại KTNN Chuyên ngành VI

Quá trình kiểm toán đầu tư xây dựng nói chung và kiểm toán đánh giá hiệu quả hoạt động ĐTXD trong doanh nghiệp có vốn nhà nước nói riêng tại KTNN chuyên ngành VI đã từng bước được thực hiện theo yêu cầu quản lý chung của các cấp quản lý, cũng như đòi hỏi, yêu cầu của người dân và công luận xã hội, góp phần vào kết quả kiểm toán chung của KTNN cũng như đóng góp những đánh giá, nhận xét, kết luận, kiến nghị và cung cấp thông tin chính xác, minh bạch về quá trình đầu tư xây dựng của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước cho Quốc hội và Chính phủ.

Tuy nhiên, thực trạng kiểm toán hoạt động ĐTXD trong doanh nghiệp có vốn nhà nước tại

KTNN chuyên ngành VI vẫn còn có nhiều hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phản ánh, cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện về quá trình quản lý đầu tư và hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước. Kết quả cụ thể đạt được qua các giai đoạn như sau:

Khi thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành/chi phí đầu tư thực hiện các dự án riêng biệt

Giai đoạn trước năm 2015, đội ngũ kiểm toán viên có chuyên môn kỹ thuật (là kỹ sư) chỉ có số lượng hạn chế nên chỉ thực hiện kiểm toán đánh giá các nội dung đầu tư trong tổ kiểm toán báo cáo tài chính; sau khi được tăng cường đội ngũ kiểm toán viên, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hiện kiểm toán dự án đầu tư xây dựng, đã có thể thực hiện kiểm toán chi phí đầu tư và lồng ghép đánh giá hiệu quả đầu tư từng dự án trong quá trình kiểm toán chi phí đầu tư.

Từ năm 2015 trở lại đây, khi đội ngũ nhân lực KTV chuyên môn kỹ thuật đã được tăng cường cả về lượng và về chất, các KTV được quan tâm đào tạo bước đầu có kỹ năng, chuyên môn, nâng dần chất lượng thực hiện kiểm toán. Yêu cầu về cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước và dư luận xã hội tập trung vào hiệu quả hoạt động đầu tư của các DNNN ngày càng lớn. Do đó, xu hướng kiểm toán đầu tư trong doanh nghiệp đang chuyển dịch, đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư từ khâu phân tích, tổng hợp để có đánh giá tổng quan về toàn bộ quá trình quản lý đầu tư của đơn vị.

Năm 2015 - 2016, KTNN chuyên ngành VI đã đẩy mạnh hơn quá trình kiểm toán tổng hợp trong kiểm toán đánh giá hoạt động quản lý của doanh nghiệp, tăng cường công tác đánh giá đầu tư xây dựng trên lĩnh vực quản lý tổng thể (công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, công tác cơ chế quản lý, hiệu quả tổng quát trong quá trình quản lý đầu tư trên các khía cạnh tổng hợp như hiệu quả lãi

lỗ dự án, tiến độ thực hiện dự án, giá trị dự án nên những đánh giá, nhận xét và kiến nghị toàn diện hơn và có những dẫn chứng cụ thể).

Khi thực hiện kiểm toán đánh giá tổng thể quá trình quản lý đầu tư xây dựng của toàn doanh nghiệp tại công ty mẹ và chọn mẫu tại một số đơn vị, dự án chi tiết cụ thể.

Từ năm 2017, KTNN chuyên ngành VI đã mạnh dạn chuyển dịch cách thức thực hiện kiểm toán đầu tư tại các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước theo hình thức thực hiện riêng thành các đoàn kiểm toán dự án đầu tư trong đó loại hình kiểm toán đã được điều chỉnh, chuyển dịch theo mô hình đánh giá hoạt động đầu tư và hiệu quả đầu tư dự án của toàn bộ Tập đoàn, Tổng công ty (Năm 2017, đã thực hiện kiểm toán đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng tại Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam), trong đó đã tập trung vào đánh giá cơ chế quản lý đầu tư, đánh giá riêng những dự án đầu tư còn nhiều hạn chế trong quản lý đầu tư, kém hiệu quả.

4. Các giải pháp và kiến nghị

Thứ nhất, Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực hiện tốt loại hình kiểm toán hoạt động nói chung và kiểm toán hiệu quả đầu tư nói riêng như: Quy định về nhiệm vụ kiểm toán hoạt động trong các Luật cần bao trùm toàn bộ các dự án của Nhà nước, các dịch vụ công và các nguồn lực khác... trong đó, phải quy định rõ những nội dung KTNN cần có ý kiến về mục tiêu của các chính sách (các quyết định chính trị và các mục tiêu cho trước của Quốc hội, Chính phủ vì đó là những xuất phát điểm cho kiểm toán hoạt động) theo kết quả phát hiện của mình (ví dụ nếu các mục tiêu không nhất quán hoặc mục tiêu không rõ ràng thì không thể nhận xét được một cách thỏa đáng mức độ đạt được mục tiêu), có như vậy mới bảo đảm được chất lượng của kiểm toán hoạt động.

Thứ hai, Xây dựng và ban hành các hướng dẫn

cụ thể cho kiểm toán hoạt động đầu tư và hiệu quả đầu tư dự án trong DNNN phù hợp với thông lệ quốc tế, tuân thủ pháp luật Việt Nam và bao quát các đặc thù kiểm toán như: Xây dựng và ban hành hướng dẫn khung; xây dựng và ban hành sổ tay kiểm toán dựa trên kinh nghiệm của chính KTNN chuyên ngành VI và kinh nghiệm kiểm toán của các đơn vị trong ngành để áp dụng trong quá trình kiểm toán; ban hành mẫu biểu, báo cáo kiểm toán riêng phù hợp với đặc thù của kiểm toán đánh giá hiệu quả đầu tư.

Thứ ba, Xây dựng đội ngũ KTV thực hiện kiểm toán đầu tư xây dựng tại KTNN chuyên ngành VI đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ và phát triển phù hợp với nhịp độ và xu hướng phát triển của KTNN, đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của KTV. Tạo điều kiện cho cán bộ duy trì và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua việc đào tạo và bồi dưỡng một cách liên tục cả trong và ngoài nước, cả lý luận và thực tiễn kiểm toán; cử cán bộ đi đào tạo (các lớp ngắn hạn để học hỏi kinh nghiệm, tổng kết áp dụng ngay; các lớp dài hạn để có đội ngũ KTV được đào tạo cơ bản về kiểm toán hoạt động nhằm phát triển một cách bền vững); tổ chức hội thảo để trao đổi học tập kinh nghiệm...

Thứ tư, Xây dựng hệ thống dữ liệu cung cấp thông tin cho hoạt động kiểm toán nói chung và cho hoạt động kiểm toán đầu tư xây dựng trong DNNN nói riêng.

Thứ năm, Tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài ngành để cuộc kiểm toán được thực hiện dựa trên thông tin được tổng hợp toàn diện và đầy đủ; đồng thời để đảm bảo chất lượng cho bằng chứng kiểm toán, báo cáo kiểm toán thì kết quả kiểm toán của các đơn vị trong Ngành cần được cập nhật để có đánh giá tổng quan nhất; đảm bảo tính khả thi, thực hiện thuận lợi và thống nhất.

Thứ sáu, Lãnh đạo KTNN chuyên ngành VI, Trưởng các đoàn kiểm toán cần hiểu biết cụ thể về kinh nghiệm, sở trường của từng KTV để phân

công phù hợp; phán đoán hoặc dự kiến những vướng mắc phát sinh để kịp thời định hướng hoặc có biện pháp giải quyết hợp lý.

Thứ bảy, Cần tạo mối quan hệ đúng mực với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong phạm vi trách nhiệm để thực hiện cuộc kiểm toán đạt được chất lượng và hiệu quả cao nhất.

Thứ tám, Xác định thứ tự ưu tiên cho các nội dung, tiêu chí phải thực hiện cho từng cuộc kiểm toán tương ứng với đặc thù hoạt động đầu tư từng doanh nghiệp và dự kiến biện pháp thực hiện phù hợp với hoàn cảnh cụ thể.

Thứ chín, Hướng dẫn, tập huấn tạo động lực thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu, tìm hiểu nghiệp vụ, đặc thù đầu tư các doanh nghiệp và các lĩnh vực đầu tư chính của các Tập đoàn, Tổng công ty cho đội ngũ KTV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kiểm toán, Kế hoạch kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016 do Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI thực hiện;
2. Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2020 - Nghị quyết số 927/2010/UBTVQH12 Quốc hội khóa 12;
3. Chuẩn mực KTNN số 300 - Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán hoạt động; Chuẩn mực KTNN số 3000 - Hướng dẫn kiểm toán hoạt động;
4. Khái niệm, phân loại về hiệu quả kinh doanh - Chu Huy Phương - Thư viện Học liệu Mở Việt Nam (VOER);
5. Luật Kiểm toán nhà nước sửa đổi năm 2015;
6. Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-KTNN ngày 13/3/2017.

Ngày nhận bài: 24/7/2018
Ngày duyệt đăng: 31/7/2018